

Số: 32/2022/QĐST-HNGĐ

Ngày: 31 - 5 - 2022.

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn,
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn)

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Chủ tọa phiên họp:* Ông Mạc Minh Quang - Thẩm phán

- *Thư ký phiên họp:* Ông Lê Quốc Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:* Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022, giữa:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn T L, xã N H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

- Anh **Khương Mạnh K**, sinh năm 1987. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T L, xã N H, huyện T M, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Bắc Ailen.

** Người được anh K ủy quyền giao nhận văn bản:* Ông Khương Đình D, sinh năm 1949. Địa chỉ: thôn T L, xã N H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Anh K, chị T, ông D đều đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Khương Mạnh K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Khương Mạnh K tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện T M, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/02/2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì anh K đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Ailen, còn chị T vẫn ở lại Việt Nam chăm sóc con cái. Do vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi, không thường xuyên liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm và phát sinh mâu thuẫn. Nay chị T và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho

ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Khương Mạnh D, sinh ngày 09/12/2012 và Khương Mạnh H, sinh ngày 12/02/2017, hiện nay đều đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Trang là 3.500.000đ/1 tháng/1 con, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về tài sản, vay nợ: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Khương Đình D (bố đẻ anh K) trình bày: Ông xác định anh K và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký tại UBND xã N H, huyện T M tháng 02/2012 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình ông khoảng 06 năm, sau đó anh K đi xuất khẩu lao động nước ngoài, còn chị T tiếp tục ở lại Việt Nam chăm sóc con cái. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh K và chị T đều viết đơn xin ly hôn và thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con, đồng thời anh K ủy quyền cho ông giao nhận tài liệu, ông hoàn toàn đồng ý nhận ủy quyền và cho biết anh K vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn, công nhận sự thỏa thuận giao chị T tiếp tục được nuôi dưỡng hai con chung, anh K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con. Ông cũng nhất trí nộp lệ phí dân sự về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung thay cho anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Xác định những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Khương Mạnh K. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Khương Mạnh D, sinh ngày 09/12/2012 và Khương Mạnh H, sinh ngày 12/02/2017 cho đến khi con trưởng thành; anh K có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là 3.500.000đ/1 tháng/1 con, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về lệ phí: Anh K, chị T phải chi 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm; anh K còn phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung (ông D nộp thay).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Khương Mạnh K đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh K là người Việt Nam hiện đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt và bản tự khai của anh Khương Mạnh K đều được Đại sứ quán Việt Nam tại Vương Quốc Anh và Bắc

Ai-len xác nhận. Do vậy có căn cứ công nhận các văn bản trên là hợp pháp.

Anh K, chị T, ông D đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Khương Mạnh K và chị Nguyễn Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện T M, tỉnh Hải Dương ngày 11/02/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm thì anh K đi lao động tại Bắc Ai-len, còn chị T ở nhà lao động và chăm sóc 02 con chung. Do anh chị sống xa cách, mỗi người một nơi dẫn đến bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không ai muốn hàn gắn cuộc sống chung. Nay chị T và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để sớm ổn định cuộc sống riêng. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh chị 02 con chung là Khương Mạnh D, sinh ngày 09/12/2012 và Khương Mạnh H, sinh ngày 12/02/2017, hiện do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên thống nhất thỏa thuận giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; anh K cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là 3.500.000đ/1 tháng/ 1 con, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét cháu D và cháu H đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về mọi mặt, khỏe mạnh, phát triển bình thường, việc thỏa thuận nuôi dưỡng con của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của các con nên chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản: Anh K và chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh K và chị T mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm (cộng bằng 300.000đ). Anh K còn phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chấp nhận ông D nộp lệ phí thay cho anh K.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Khương Mạnh K.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giao chị Nguyễn Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung Khương Mạnh D, sinh ngày 09/12/2012 và Khương Mạnh H, sinh ngày 12/02/2017; anh Khương Mạnh K

có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là 3.500.000đ/1 tháng/1 con, kể từ khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh K và chị T mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm (cộng bằng 300.000đ), được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000093 ngày 10/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (anh K và chị T đã nộp đủ lệ phí ly hôn).

Anh K còn phải chịu 150.000đ lệ phí dân sự về việc thỏa thuận cấp dưỡng tiền nuôi con chung (ông D nộp thay cho anh Khỏe).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành bản án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã NH, huyện T M, tỉnh Hải Dương (để nghị vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Mạc Minh Quang